

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TNMT
V/v triển khai thực hiện Nghị định số
05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường

Tam Đường, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Có sao gửi kèm theo).

Để triển khai Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu:

1. Các cơ quan ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện chủ động nghiên cứu và tổ chức thực hiện các quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. UBND các xã, thị trấn triển khai, tuyên truyền Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý để hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Một số nội dung mới được sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP cần lưu ý thực hiện, cụ thể như sau:

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Chủ tịch UBND huyện yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phong Vĩnh Cường

PHỤ LỤC

**Tổng hợp, khái quát một số nội dung mới được sửa đổi, bổ sung của
Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ**
(Kèm theo Công văn số: /UBND-TNMT ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường)

1. Sửa đổi, bổ sung việc xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường (tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); lưu ý một số thay đổi làm căn cứ xác định việc thực hiện thủ tục về môi trường của dự án như:

- Các thay đổi về loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II: Lưu ý bổ sung thêm việc quy định theo mã ngành kinh tế Việt Nam và thay đổi về quy mô, công suất một số loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Thay đổi về đối tượng dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên và thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7a Phụ lục III Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Lưu ý các thay đổi về Dự án có yêu cầu chuyển mục đích đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên có **yêu cầu chuyển đổi đất trồng lúa từ 5 ha trở lên** (Theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP trước đây không có quy định về diện tích đất lúa sử dụng).

2. Bổ sung Điều 26a vào trước Điều 26 như sau: “Điều 26a. Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường”; Trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường phân cấp cho UBND tỉnh thẩm định ĐTM, GPMT 7 nhóm dự án:

(1) Dự án đầu tư công không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải;

(2) Dự án chăn nuôi gia súc;

(3) Dự án đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm;

(4) Dự án được phân loại chỉ theo tiêu chí có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên;

(5) Dự án được phân loại chỉ theo tiêu chí có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên và không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

(6) Dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, không bao gồm: Dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; dự án có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; dự án khác thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại cột (3) Phụ lục II Nghị định; dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động được miễn trừ đầu nổi theo quy định của pháp luật có lưu lượng nước thải thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ trở lên;

(7) Dự án thủy điện không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 26, tham vấn cộng đồng trong đánh giá tác động môi trường;

Trong đó có một số điểm cần chú ý: **Ngoài họp lấy ý kiến** theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, **chủ dự án đầu tư được tham vấn cộng đồng dân cư**, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư **thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**:

- Việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp được thực hiện thông qua hình thức tham vấn họp lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gửi giấy mời tới toàn bộ cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp để tham dự cuộc họp tham vấn lấy ý kiến. Trường hợp cộng đồng dân cư, cá nhân không tham dự cuộc họp tham vấn lấy ý kiến thì phải lấy ý kiến bằng văn bản thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến.

- Số lượng người tham dự họp lấy ý kiến và đã được tham vấn thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến phải đảm bảo từ hai phần ba trở lên trên tổng số người chịu tác động trực tiếp; các cá nhân trong cùng một hộ gia đình có thể được lấy ý kiến thông qua người đại diện của hộ gia đình đó; trường hợp cá nhân nhận được phiếu lấy ý kiến nhưng không tham gia cho ý kiến trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến thì được coi là đã được tham vấn.

Như vậy, chủ dự án đầu tư được tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu cộng đồng dân cư, cá nhân không tham dự cuộc họp tham vấn lấy ý kiến.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3; bổ sung các khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 vào sau khoản 3 Điều 27 liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm đánh giá tác động môi trường...

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 28, nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường...

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 29, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường...

Trong đó có kéo dài thời hạn cấp giấy phép môi trường. Trong quá trình kiểm tra cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở, đoàn kiểm tra thực hiện quan trắc chất thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường đối với cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư có số thứ tự 1 Mục I Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Chi phí cho hoạt động lấy và phân tích mẫu chất thải của đoàn kiểm tra được lấy từ nguồn phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí...

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 30, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường...

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 31, Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường...

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 32, **Đối tượng được miễn đăng ký môi trường:**

- Dự án đầu tư, cơ sở quy định tại điểm a khoản 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường khi đi vào vận hành và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phát sinh chất thải hoặc đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

Phát sinh thường xuyên **chất thải nguy hại dưới 20 kg/tháng hoặc dưới 240 kg/năm**; phát sinh thường xuyên **chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý dưới 100 kg/tháng hoặc dưới 1.200 kg/năm**; phát sinh **chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày**; phát sinh **nước thải dưới 05 m³/ngày** và phát sinh **khí thải dưới 50 m³/giờ** được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương.

- Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường được quy định cụ thể tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 53 như sau:

“1. Chủ dự án đầu tư thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với ít nhất một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất theo lộ trình...

2. Chủ cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với ít nhất một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất theo lộ trình ...”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 63 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau:

- a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;
- b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;
- c) Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;...

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

- a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường;
- b) Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;
- c) **Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; ...”.**

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 74, Các trường hợp đặc thù về quản lý nước thải, khí thải....Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc các nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định này **phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường** theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường **khi thuộc một trong các trường hợp sau:**

- a) Chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 20 m³/ngày trở lên;
- b) Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định này. Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;
- c) Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên;
- d) Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 1.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức.

6. Chủ dự án đầu tư, cơ sở tái sử dụng nước thải để tưới cho cây trồng theo quy định tại khoản 3 Điều này phải có phương án tái sử dụng nước thải về địa điểm, diện tích, số lượng cây, thời gian, tần suất và nêu rõ trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường hoặc có văn bản báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trước khi thực hiện.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

“12. Trường hợp một trong các giấy phép môi trường thành phần của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hết hạn, chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải lập hồ sơ để được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước hoặc giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi hết thời hạn nhưng có giấy phép môi trường thành phần khác vẫn còn thời hạn theo quy định.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau: “14. Dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành (vận hành thử nghiệm trong trường hợp có công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm hoặc vận hành chính thức trong trường hợp không có công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm) và các cơ sở đang hoạt động mà chưa có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thì bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Sau khi xử phạt, trường hợp dự án đầu tư, cơ sở không trái với quy hoạch; phù hợp với phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện như sau:

a) Đối với dự án đầu tư đang triển khai xây dựng có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này, chủ dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư có hoạt động rà soát, cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định;

b) Đối với dự án đầu tư chưa đi vào vận hành có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải cấp giấy phép môi trường, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư có hoạt động rà soát, cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định và thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đó;

c) Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải cấp giấy phép môi trường và phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần, chủ cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường (là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với cơ sở đó trong trường hợp cơ sở chưa được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường).

Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được thực hiện như đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này;

d) Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải cấp giấy phép môi trường và không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường, chủ cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được thực hiện như đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này;

đ) Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và không phải cấp giấy phép môi trường nhưng không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ cơ sở phải thực hiện đăng ký môi trường theo quy định;

e) Đối với cơ sở nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 như sau:

“15. Dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà chưa có xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương theo quy định thì thực hiện như sau:

a) Đối với dự án đầu tư, cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải cấp giấy phép môi trường, thì bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở không trái với quy hoạch; phù hợp với phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải lập hồ sơ

đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được thực hiện như đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này;

b) Đối với dự án đầu tư, cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải đăng ký môi trường, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện đăng ký môi trường theo quy định.”.

d) Bổ sung khoản 20 vào sau khoản 19 như sau:

“20. Chương trình quan trắc chất thải được phê duyệt trong hồ sơ môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành có sự sai khác so với quy định tại Nghị định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”

15. Sửa đổi các Phụ lục I, II, III, IV, V, VIII, IX, X, XI, XIII, XV, XVI, XVII, XVIII và XXIX; bổ sung Phụ lục VIa, VIb vào trước Phụ lục VI; bổ sung Phụ lục XXXIa và Phụ lục XXXIb vào trước Phụ lục XXXI của phần Phụ lục của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

16. Thay thế một số phụ lục sau đây:

“a) Phụ lục XXII;

b) Phụ lục XXIII”.

17. Quy định chuyển tiếp:

“1. Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về môi trường trước ngày Nghị định này có hiệu lực (trừ các điều, khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Hồ sơ tham vấn trong đánh giá tác động môi trường đã thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về môi trường theo quy định của Nghị định này.

2. Dự án, cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định này thì được lựa chọn tiếp tục sử dụng giấy phép môi trường đã được cấp đến hết thời hạn hoặc thực hiện các quy định khác về bảo vệ môi trường. Giấy phép môi trường đã được cấp sẽ hết hiệu lực trong trường hợp chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện thủ tục đăng ký môi trường

theo quy định hoặc hết hiệu lực trong trường hợp dự án, cơ sở thuộc đối tượng miễn đăng ký môi trường.

3. Dự án, cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần trong đó có nội dung nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục nhập khẩu đến hết thời hạn của giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp giấy phép môi trường đối với dự án, cơ sở đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định này, trừ dự án thuộc một trong các trường hợp: Nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; có nguồn tiếp nhận nước thải là nguồn nước mặt liên tỉnh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

b) Dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định này;

c) Cơ sở đang hoạt động tương đương với đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thời hạn thẩm định, phí thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với các trường hợp quy định tại khoản này được xác định theo thời hạn thẩm định, phí thẩm định như đối với dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Cơ sở đang hoạt động thuộc trường hợp phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường nhưng **không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định này thì thực hiện việc đăng ký môi trường trước ngày 01 tháng 4 năm 2025**, trừ trường hợp thuộc đối tượng miễn đăng ký môi trường.

6. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động nhưng không có giấy phép môi trường thành phần theo quy định phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số

08/2022/NĐCP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định này.

7. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã có kết quả thẩm định, đang thực hiện chỉnh sửa, bổ sung trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì trong thời hạn tối đa 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan cấp phép để được cấp giấy phép môi trường nhưng phải bảo đảm thời hạn phải có giấy phép môi trường theo quy định. Sau thời hạn này, việc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư, cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường.”

(Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung nghiên cứu cụ thể tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)